

Thứ tư, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Nhịp điều chỉnh mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 30/07/2020		•	
Tuần 27/7-31/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Tình hình dịch bệnh COVID-19 đã trở nên tồi tệ hơn với số ca COVID 19 đạt 446 ca và có các trường hợp dương tính tại các thành phố lớn như Hà Nội và Hồ Chí Minh. Dòng tiền đầu tư suy yếu so với phiên trước khi chỉ có 13/19 nhóm ngành đều tăng điểm trong phiên. Khối ngoại duy trì hoạt động mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX, góp phần hạn chế đà giảm của thị trường. Thanh khoản thị trường không đổi so với phiên trước, độ rộng thị trường tiêu cực và biên độ thị trường suy giảm đang phản ánh tâm lý giao dịch tiêu cực trên thị trường. BSC khuyến nghị nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch và có thể đầu tư vào các cổ phiếu sau đợt điều chỉnh này khi tình trạng dịch bệnh COVID-19 đã tiến vào giai đoạn kiểm soát.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 715 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/7/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_-0.6%

Phân tích kỹ thuật: NRC_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-22.52** điểm, đóng cửa **790.84** điểm. HNX-Index **-1.13** điểm, đóng cửa **106.85** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: EIB (+0.40); APH(+0.13); HNG(+0.09); SZC (+0.05); DAT(+0.04).
- Kéo chỉ số giảm: GAS (-2.34); VNM(-1.93); VHM(-1.71); SAB(-1.64); VIC(-1.63).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,550 tỷ đồng, tăng +0.7% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 20.57 điểm, thu hẹp so với phiên liền trước. Thị trường có 360 mã tăng, 27 mã tham chiếu và 49 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 303.8 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm KDC (+114.7 tỷ), FUEVFNVD (+47.0 tỷ) và VCB (+35.2 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị +1.32 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvuq@bsc.com.vn

VN-INDEX **790.84**Giá trị: 4550.62 tỷ **-22.52 (-2.77%)**

Khối ngoại (ròng): 303.8 tỷ

HNX-INDEX **106.85**Giá trị: 623.32 tỷ **-1.13 (-1.05%)**

Khối ngoại (ròng): 1.32 tỷ

UPCOM-INDEX **54.17**Giá trị: 0.68 tỷ **-1.1 (-1.99%)**

Khối ngoại(ròng): 5.37 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	41.4	0.95%
Giá vàng	1,959	0.03%
Tỷ giá USD/VND	23,180	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,214	-0.35%
Tỷ giá JPY/VND	22,096	0.22%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	66.67%
LS TPCP 5 năm	2.0%	5.95%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KDC	114.7	HPG	33.2
FUEVFNVD	47.0	SSI	13.4
VCB	35.2	NLG	7.6
FUESSVFL	22.3	GAS	7.1
VIC	21.0	HCM	7.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
29/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bất động sản Khu công nghiệp_-0.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	9/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.6%	-2.2%	3.7%	3.7%	3.7%	4.5%	26.6%
Ngành Dược	-0.7%	-0.4%	4.1%	4.1%	4.1%	-4.7%	18.5%
BDS & Khu công nghiệp	-2.0%	-2.6%	0.3%	0.3%	0.3%	-9.2%	17.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.1%	-3.3%	-3.9%	-3.9%	-3.9%	-9.5%	22.7%
Chiến tranh thương mại	-2.2%	-2.4%	-1.2%	-1.2%	-1.2%	-13.2%	19.1%
VN FinSelect	-2.2%	-4.8%	-4.2%	-4.2%	-4.2%	-14.1%	20.1%
Nước & Năng lượng	-2.5%	-4.0%	0.0%	0.0%	0.0%	-10.5%	17.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	-2.7%	-5.5%	-4.0%	-4.0%	-4.0%	-21.2%	17.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-2.7%	-5.4%	-4.4%	-4.4%	-4.4%	-15.0%	21.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-3.0%	-4.8%	-3.9%	-3.9%	-3.9%	-18.0%	19.9%
Stay-at-home	-3.2%	-3.4%	-3.3%	-3.3%	-3.3%	1.2%	18.3%
VN Diamond	-3.2%	-5.4%	-5.1%	-5.1%	-5.1%	-21.0%	20.2%
Hàng tiêu dùng	-3.3%	-4.3%	-5.3%	-5.3%	-5.3%	-8.8%	20.7%
Ngân Hàng	-3.3%	-5.6%	-3.4%	-3.4%	-3.4%	-11.8%	23.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-3.4%	-5.0%	-4.1%	-4.1%	-4.1%	0.2%	15.8%
Corona Avengers	-3.9%	-5.6%	-5.7%	-5.7%	-5.7%	-10.1%	22.4%
Xây dựng	-4.2%	-7.3%	-3.0%	-3.0%	-3.0%	-10.2%	20.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-4.7%	-6.2%	-5.5%	-5.5%	-5.5%	-17.4%	16.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-4.7%	-6.0%	-5.3%	-5.3%	-5.3%	-17.0%	18.5%
FTSE Việt Nam	-4.8%	-6.1%	-5.7%	-5.7%	-5.7%	-15.8%	17.3%
Dầu khí	-4.9%	-7.6%	-10.3%	-10.3%	-10.3%	-31.5%	25.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-5.3%	-7.2%	-7.2%	-7.2%	-7.2%	-21.8%	22.0%
Lãi suất giảm	-6.4%	-7.4%	-5.7%	-5.7%	-5.7%	-8.6%	20.3%
Vật liệu Xây dựng	-7.8%	-8.0%	-7.7%	-7.7%	-7.7%	-9.5%	21.2%
Đầu tư công	-7.9%	-9.1%	-7.7%	-7.7%	-7.7%	-12.9%	20.8%
Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	-2.4%	-4.1%	-3.1%	-3.1%	-3.1%	-13.0%	18.1%
M12	-2.5%	-4.7%	-5.0%	-5.0%	-5.0%	-14.3%	20.2%
L22	-3.0%	-5.4%	-6.6%	-6.6%	-6.6%	-16.0%	20.6%
S11	-3.2%	-4.6%	-4.2%	-4.2%	-4.2%	-6.1%	18.9%
S32	-3.6%	-6.1%	-7.3%	-7.3%	-7.3%	-24.4%	23.1%
M31	-3.6%	-5.5%	-4.4%	-4.4%	-4.4%	-15.1%	21.8%
L32	-3.7%	-6.1%	-3.3%	-3.3%	-3.3%	-14.6%	21.6%
S21	-3.8%	-6.2%	-7.3%	-7.3%	-7.3%	-18.5%	20.3%
M22	-4.1%	-6.0%	-5.2%	-5.2%	-5.2%	-10.4%	
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	-2.2%	-3.9%	-3.4%	-3.4%	-3.4%	-11.2%	17.6%
MID1	-2.6%	-3.5%	-2.8%	-2.8%	-2.8%	-2.5%	17.9%
HIGH3	-3.6%	-5.7%	-4.6%	-4.6%	-4.6%	-9.1%	19.8%
INDEX							
VNINDEX	-2.8%	-4.6%	-4.2%	-4.2%	-4.2%	-17.7%	17.3%
VN30INDEX	-2.8%	-4.8%	-4.6%	-4.6%	-4.6%	-16.4%	17.9%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	9	16	8	17	13	12
Mục tiêu	9	2	7	2	7	2	7
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 29/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.00	-0.10%	-2.10%	6.10%	-26.19%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.28	0.14%	-2.30%	3.40%	-21.35%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	125.80	-0.60%	-1.90%	8.70%	-28.55%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1951.54	-0.35%	4.30%	10.10%	29.14%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	24.14	-1.09%	5.00%	35.20%	41.43%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	888.00	0.06%	-0.80%	3.10%	-6.45%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	525.50	0.38%	-1.70%	10.50%	-0.24%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.42	0.04%	0.40%	16.60%	43.06%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	152.54	-0.15%	5.40%	3.90%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.01	-0.91%	2.90%	0.80%	-11.10%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	109.65	-0.68%	7.80%	14.50%	-4.69%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6477.00	0.88%	-0.90%	8.70%	8.89%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	534.82	0.09%	-1.20%	6.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1724.00	0.94%	1.60%	7.60%	-4.38%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.36	0.74%	-2.30%	12.00%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.20	-0.72%	-4.20%	-2.90%	-30.13%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 19 US cent hay 0.4% xuống 43.22 USD/thùng, và dầu thô Tây Texas WTI giảm 56 US cent hay 1.4% xuống 41.04 USD/thùng. Hôm 27/7 Đảng Cộng hòa đã tiết lộ một đề xuất cứu trợ kinh tế mới nhưng đang đối mặt với sự phản đối của cả Đảng Dân chủ và một số Đảng Cộng hòa. Cũng gây tiêu cực cho giá là niềm tin tiêu dùng của Mỹ giảm trong tháng 7 trong bối cảnh số ca nhiễm Covid-19 bùng phát trên khắp toàn quốc.

Giá vàng

• Giá vàng giao ngay tăng 0.3% lên 1,947.19 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 0.7% lên 1,944.6 USD/ounce. Trong phiên vàng đã tăng lên mức kỷ lục 1,980.57 USD, nhưng giá đã giảm khoảng 3.7% sau đó do các nhà đầu tư chốt lời và đồng USD phục hồi.
• Giá vàng dự kiến tăng lên 2,300 USD/ounce trong 12 tháng tới, theo Goldman Sachs, bổ sung rằng những lo ngại xung quanh sự trường thọ của USD khi một đồng tiền dự trữ đã bắt đầu xuất hiện.

Giá sắt thép

• Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn Đại Liên giảm 0.1% xuống 820 CNY/tấn. Giá quặng sắt hàm lượng 62% sắt xuất sang Trung Quốc giảm xuống 109.5 USD/tấn trong ngày 27/7 từ 111.5 USD/tấn trong phiên trước đó.
• Giá thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm 0.8% xuống 3,724 CNY (531.28 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 0.5% xuống 3,749 CNY/tấn.
• Giá thép của Trung Quốc giảm trong phiên qua, với thép cuộn cán nóng và thép thanh giảm lần lượt phiên thứ 3 và thứ 4 liên tiếp, do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc leo thang làm tổn thương tới tâm lý thị trường và thúc đẩy lo lắng về xuất khẩu thép.

Giá cao su

• Trên sàn TOCOM, cao su kỳ hạn tháng 1 tăng 2.7 JPY hay 1.7% lên 160.9 JPY/kg. Hợp đồng cao su Thượng Hải kỳ hạn tháng 9 tăng 0.3% lên 10,690 CNY/tấn. Giá cao su tại Nhật Bản tăng gần 2%, do các thị trường tài chính tăng sau khi Thượng viện Mỹ đề xuất một chương trình viện trợ khổng lồ để chống lại ảnh hưởng từ sự bùng phát của virus corona tới nền kinh tế. Các nhà đầu tư cũng lạc quan rằng Cục dự trữ Liên bang Mỹ sẽ tiếp tục triển vọng chính sách siêu dễ dàng trong tuần này, hỗ trợ thị trường chứng khoán và hàng hóa.

Giá nông sản

• Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 trên sàn London giảm 0.75 US cent hay 0.7% xuống 1.0965 USD/lb, trong khi robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn ICE giảm 10 USD hay 0.7% xuống 1,336 USD/tấn.
• Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE giảm 0.11 US cent hay 0.9% xuống 12.01 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 2.30 USD hay 0.6% xuống 362.9 USD/tấn. Hạn hán tại Thái Lan cũng là một yếu tố hỗ trợ, làm giảm triển vọng sản lượng tại nước xuất khẩu đường lớn thứ 2 thế giới sau Brazil.

	29/7	% 29/7	28/7	% 28/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	790.84	-2.77%	813.36	3.59%	-7.51%	-4.64%
S&P 500			3,218.44	-0.65%	-1.19%	4.37%
S&P500 Futures	3,218.50	0.17%	3,213.00	-0.60%	-1.44%	7.03%
Shang- hai	3,294.55	2.06%	3,227.96	0.71%	-1.16%	11.25%
Euro Stoxx	3,307.21	0.11%	3,303.56	0.02%	-1.89%	2.33%

Phân tích kỹ thuật

NRC_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: NRC đang ở trong trạng thái tích lũy tại khu vực 11-12.5 sau khi có giai đoạn hồi phục từ đầu tháng 4. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, chỉ báo MACD đã xuất hiện Golden Cross đồng thời chỉ báo động lượng RSI vẫn chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể thiết lập đà tăng ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của NRC nằm tại mốc 12. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 16, cắt lỗ nếu ngưỡng 10.5 bị xuyên thủng.



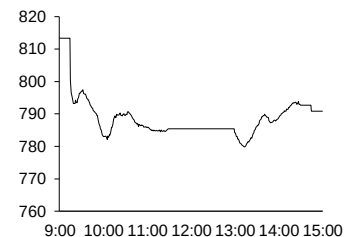
Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

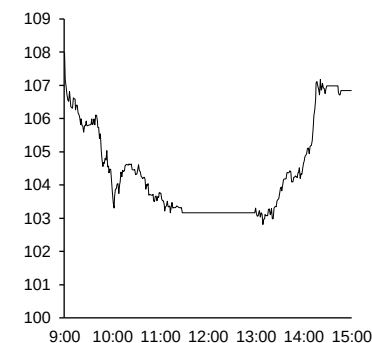
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-11.72%
Du lịch và Giải trí	-3.13%
Dầu khí	-1.48%
Bán lẻ	-0.67%
Bảo hiểm	-0.26%
Ô tô và phụ tùng	-0.13%
Viễn thông	0.00%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.16%
Truyền thông	0.27%
Bất động sản	0.49%
Hóa chất	0.79%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.81%
Thực phẩm và đồ uống	1.05%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.10%
Dịch vụ tài chính	1.14%
Xây dựng và Vật liệu	1.18%
Y tế	1.63%
Ngân hàng	1.95%
Công nghệ Thông tin	1.95%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	24.7	1	6.93%	Có thể tiếp tục mua
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	18.8	2	-0.53%	Có thể tiếp tục mua
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	9.5	8	-6.86%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	11.7	28	-8.59%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/29/2020	PLP	11.35	13.5	9.5	11	30	-3.08%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/26/2020	DGC	39.6	42	33	35	33	-11.62%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	30.8	35	0.36%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	21.75	41	-0.82%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	74	43	-1.20%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	34.7	54	-6.72%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

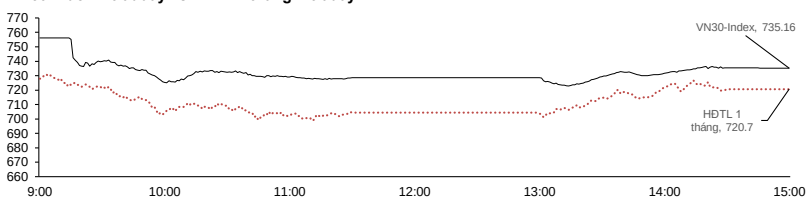
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	SL	18	-4.92%
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	SL	17	-7.77%
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	SL	21	-3.85%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%
7/2/2020	DHC	37.9	40	35	TP	7	5.54%
6/30/2020	TLG	35.9	40	31.5	TP	20	11.42%
6/25/2020	VRG	14.7	16.8	12.5	TP	7	14.29%
6/23/2020	FCN	10.8	14	9.5	SL	34	-12.04%
6/22/2020	PDR	24.8	29	23	SL	9	-7.26%
Chú thích: Thông kê 20 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	8	3.64%	-4.93%	-3.21%	28
Cổ phiếu đã chốt	7	21	12.93%	-8.17%	-2.90%	14

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2008	720.70	-2.83%	-14.46	10.0%	354,161	8/20/2020	24
VN30F2009	719.40	-2.78%	-15.76	59.3%	1,528	9/17/2020	52
VN30F2012	719.00	-1.95%	-16.16	154.5%	257	12/17/2020	143
VN30F2103	714.60	-1.99%	-20.56	-20.9%	87	3/18/2021	234

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm mạnh -21.01 điểm, xuống mức 735.16 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, TCB, VPB, HPG, và MBB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm tiêu cực đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co trong vùng 725-735 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tích lũy quanh vùng 740 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2008 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2009 và VN30F2103 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2008, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 715 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2002	12/16/2020	140	2:1	156,760	37.75%	1,700	1,550	-3.13%	135	11.50	33,399	29,999	21,750
CHDB2006	10/8/2020	71	2:1	184,240	41.20%	2,180	1,070	-6.96%	716	1.50	29,060	24,700	23,800
CHPG2011	10/20/2020	83	2:1	386,540	37.75%	2,350	1,950	-7.14%	271	7.21	29,900	25,200	21,750
CHPG2005	10/1/2020	64	1:1	66,490	37.75%	2,100	7,700	-7.45%	3,224	2.39	21,100	19,000	21,750
CVHM2003	10/29/2020	92	10:1	339,350	38.50%	1,000	1,040	-7.96%	826	1.26	80,000	70,000	74,000
CCTD2001	12/16/2020	140	10:1	170,670	57.17%	1,540	1,180	-9.23%	522	2.26	96,288	80,888	67,000
CVHM2002	11/30/2020	124	1:1	60,510	38.50%	11,500	7,490	-9.43%	5,843	1.28	88,500	77,000	74,000
CREE2004	10/23/2020	86	3:1	207,220	28.58%	1,570	1,520	-9.52%	1,156	1.32	34,210	29,500	32,000
CVNM2003	9/4/2020	37	10:1	357,240	33.57%	1,450	1,700	-10.53%	1,309	1.30	107,280	92,780	106,000
CHPG2010	4/5/2021	250	4:1	264,130	37.75%	1,800	1,010	-12.17%	106	9.56	40,300	33,100	21,750
CHPG2009	10/29/2020	92	2:1	139,910	37.75%	1,600	2,630	-12.33%	715	3.68	25,700	22,500	21,750
CSTB2002	12/16/2020	140	1:1	193,410	43.18%	1,700	970	-12.61%	553	1.75	13,588	11,888	10,150
CFPT2003	11/9/2020	103	1:1	85,020	33.40%	7,300	6,540	-13.38%	1,458	4.49	57,300	50,000	44,550
CVNM2002	12/16/2020	140	5:1	597,510	33.57%	3,200	600	-14.29%	234	2.56	155,285	139,285	106,000
CHPG2008	11/30/2020	124	1:1	150,810	37.75%	4,100	2,410	-15.14%	387	6.23	32,100	28,000	21,750
CSTB2004	11/30/2020	124	1:1	1,043,990	43.18%	1,400	850	-16.67%	747	1.14	12,400	11,000	10,150
CVPB2007	10/29/2020	92	4.27:1	405,780	46.88%	1,700	560	-20.00%	520	1.08	25,900	22,500	19,950
CMBB2006	10/29/2020	92	2:1	394,350	36.52%	1,100	610	-20.78%	435	1.40	18,700	16,500	15,650
CMWG2009	10/23/2020	86	8:1	625,470	41.14%	1,600	570	-20.83%	364	1.57	94,800	82,000	73,000
CTCB2004	8/18/2020	20	2:1	440,630	38.49%	1,050	790	-24.76%	700	1.13	19,100	17,000	18,150
Tổng				5,829,400	39.05%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 29/7/2020, hầu hết chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CMWG2005 và CSTB2003 giảm mạnh lần lượt là -41.05% và -38.05%. Giá trị giao dịch tăng 27.53%. CSTB2004 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.76% thị trường.

• CVPB2006, CVRE2005, CVRE2006, CVPB2007, và CTCB2004 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVNM2003, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	73.0	-3.9%	1.2	1,437	4.5	8,808	8.3	2.5	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	51.5	-4.6%	1.3	504	2.2	4,629	11.1	2.5	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	40.1	-4.3%	1.3	1,294	1.0	1,307	30.7	1.5	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.0	-0.7%	0.4	292	0.1	2,654	11.3	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	83.5	-2.0%	0.8	12,280	1.4	2,095	39.9	3.5	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	25.6	-6.1%	1.1	2,524	3.0	1,226	20.8	2.2	31.0%	10.3%
VHM	Bất động sản	74.0	-2.4%	1.3	10,584	5.8	6,784	10.9	3.5	20.1%	37.0%
DXG	Bất động sản	8.8	-3.3%	1.3	199	1.4	1,672	5.3	0.7	39.4%	11.3%
SSI	Chứng khoán	13.6	-4.6%	1.3	354	3.7	1,415	9.6	0.8	49.0%	7.8%
VCI	Chứng khoán	20.5	-2.6%	1.0	146	0.7	4,240	4.8	0.8	28.7%	18.0%
HCM	Chứng khoán	16.6	-3.5%	1.7	220	2.1	1,608	10.3	1.2	51.8%	11.5%
FPT	Công nghệ	44.6	-2.5%	0.8	1,518	3.0	4,804	9.3	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	44.9	-3.4%	0.4	486	0.1	4,812	9.3	2.4	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	63.5	-6.3%	1.5	5,284	2.2	5,138	12.4	2.3	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	41.6	-4.7%	1.5	2,178	0.7	918	45.3	2.6	14.6%	5.2%
PVS	Dầu khí	10.8	-4.4%	1.5	224	2.1	1,238	8.7	0.4	11.4%	4.8%
BSR	Dầu khí	5.8	-6.5%	0.8	782	0.8	898	6.5	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.8	0.9%	0.5	528	0.1	5,044	18.4	3.8	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	13.6	-3.5%	0.4	231	1.6	1,586	8.6	0.7	10.8%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.0	-3.9%	0.5	184	0.7	415	19.2	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	77.5	-1.3%	1.1	12,497	2.8	4,915	15.8	3.2	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	37.0	-2.4%	1.4	6,461	1.2	2,140	17.3	2.0	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	20.9	-3.9%	1.2	3,375	4.3	2,995	7.0	1.0	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	20.0	-3.6%	1.2	2,114	3.0	4,126	4.8	1.0	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	15.7	-4.0%	1.0	1,641	3.3	3,398	4.6	0.9	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	22.2	-3.1%	1.0	1,605	4.7	3,750	5.9	1.2	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	48.8	-2.8%	0.9	174	0.3	5,760	8.5	1.6	81.7%	18.9%
NTP	Nhựa	26.6	-4.7%	0.4	136	0.1	3,348	7.9	1.2	22.6%	16.0%
MSR	Tài nguyên	14.8	-0.7%	0.4	637	0.0	356	41.6	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	21.8	-4.6%	1.1	3,133	17.7	3,158	6.9	1.1	35.7%	18.1%
HSG	Thép	9.8	-5.5%	1.5	190	6.0	1,767	5.6	0.7	10.9%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	106.0	-3.5%	0.8	8,025	6.9	5,453	19.4	6.2	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	171.0	-5.0%	0.8	4,768	1.7	6,719	25.5	6.4	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	49.4	-2.3%	1.0	2,508	2.9	3,961	12.5	1.4	38.8%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	13.2	-5.7%	0.8	337	1.3	171	77.3	1.1	5.7%	1.5%
ACV	Vận tải	51.6	-3.6%	0.8	4,884	0.3	3,450	15.0	3.1	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	95.1	-1.5%	1.1	2,166	0.9	7,110	13.4	3.3	18.0%	26.3%
HVN	Vận tải	21.7	-5.9%	1.7	1,335	1.1	1,654	13.1	1.7	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	17.8	-3.0%	0.9	230	0.1	1,583	11.2	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	9.4	-1.6%	1.1	115	0.4	2,007	4.7	0.6	22.4%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	56.8	-2.7%	1.0	383	0.4	8,219	6.9	2.7	2.8%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.8	-3.1%	0.7	366	0.6	1,453	12.9	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.3	-5.8%	1.0	203	0.5	1,937	6.3	0.8	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	67.0	-5.6%	1.0	222	2.4	8,467	7.9	0.6	46.0%	7.9%
CII	Xây dựng	17.6	2.3%	0.3	183	2.0	1,775	9.9	0.8	36.5%	8.5%
REE	Điện	32.0	-0.9%	-1.4	431	1.2	4,780	6.7	0.9	49.0%	14.8%
PC1	Điện	16.5	-5.2%	-0.4	114	0.6	2,268	7.3	0.7	16.6%	10.7%
POW	Điện	9.2	-1.2%	0.6	937	1.4	1,028	8.9	0.8	11.3%	9.4%
NT2	Điện	20.5	-2.1%	0.6	257	0.4	2,685	7.6	1.3	18.3%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.0	-2.3%	0.8	264	1.8	1,880	6.9	0.6	20.7%	9.5%
BCM	Khu công nghiệp	26.0	-0.8%	0.9	1,170	0.0	2,332	11.1	1.8	2.1%	17.7%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EIB	17.65	6.97	0.40	683290.00
APH	53.20	6.83	0.13	193780.00
HNG	12.30	2.50	0.09	1.77MLN
SZC	24.70	6.93	0.05	3.47MLN
DAT	47.10	6.92	0.04	10.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
GAS	-0.01	-2.34	777530.00	1.11MLN
VNM	0.00	-1.93	1.50MLN	607060.00
VHM	0.00	-1.71	1.81MLN	373600.00
SAB	-0.01	-1.64	219800.00	192700.00
VIC	0.00	-1.63	379370.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
EIB	17.65	6.97	0.40	683290.00
VPS	9.84	6.96	0.00	17550.00
VIP	5.54	6.95	0.01	740760.00
SZC	24.70	6.93	0.05	3.47MLN
DAT	47.10	6.92	0.04	10.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PJT	9.55	-15.49	-0.01	5360.00
CLW	24.35	-10.48	-0.01	120.00
FIT	8.37	-7.00	-0.05	487070.00
QCG	5.58	-7.00	-0.03	252180.00
TNI	2.79	-7.00	0.00	2.41MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	11.90	6.25	1.05	3.20MLN
DTD	16.30	7.95	0.02	520600.00
DNM	55.00	10.00	0.01	213100.00
DP3	70.50	4.44	0.01	200.00
DHT	55.40	1.09	0.01	129500.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

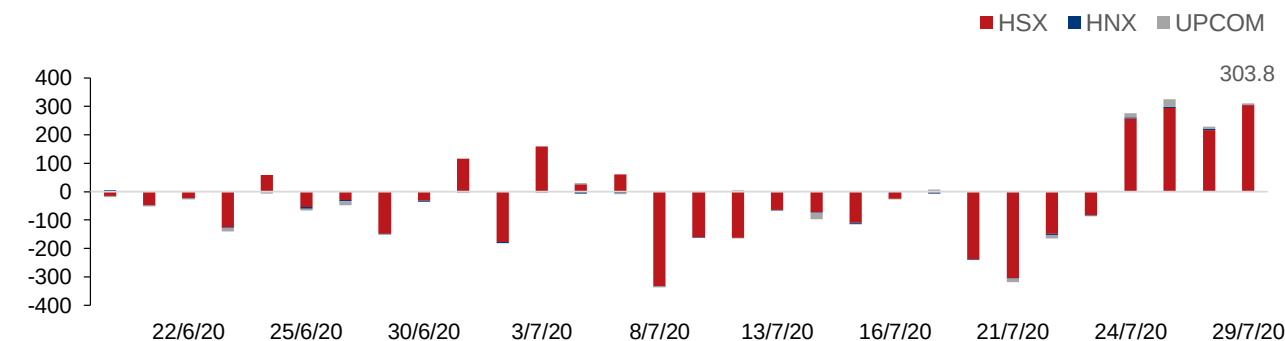
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.20	-3.06	-1.11	4.93MLN
PVS	10.80	-4.42	-0.12	4.44MLN
L14	51.30	-9.36	-0.07	136500.00
NTP	26.60	-4.66	-0.05	45800.00
VCS	56.80	-2.74	-0.05	177100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BII	0.70	16.7	0.00	126600.00
SPI	1.00	11.1	0.00	492900.00
DNM	55.00	10.0	0.01	213100.00
HCT	9.90	10.0	0.00	2900.00
KVC	1.10	10.0	0.01	549300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	-16.67	-0.01	890100.00
AME	6.30	-10.00	-0.01	200.00
FID	0.90	-10.00	0.00	29800.00
PJC	21.90	-9.88	-0.01	400.00
DBT	10.10	-9.82	-0.01	5100.00



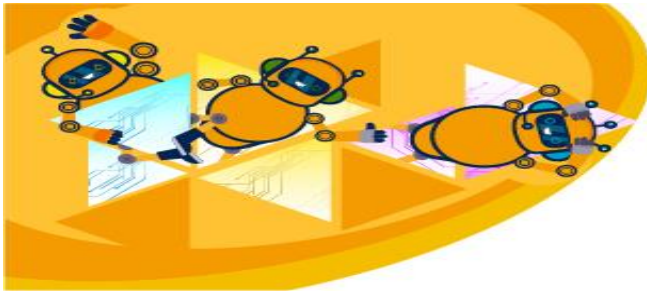
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.2	3,321	7.6	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	20.0	4,126	4.8	1.0	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	45.8	9,642	4.7	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	49.4	3,961	12.5	1.4	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	35.0	5,365	6.5	1.2	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	9.8	1,767	5.6	0.7	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	41.9	5,479	7.6	2.1	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	24.7	1,902	13.0	2.1	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	21.8	3,158	6.9	1.1	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	18.2	3,103	5.8	0.9	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	51.5	4,629	11.1	2.5	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	125.9	5,718	22.0	7.8	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	8.8	1,672	5.3	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	14.3	1,496	9.6	0.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	17.0	7,637	2.2	0.8	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	19.9	5,311	3.7	0.9	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	39.9	4,761	8.4	1.7	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	77.5	4,915	15.8	3.2	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	22.2	3,750	5.9	1.2	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	34.7	6,553	5.3	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	50.7	5,877	8.6	2.3	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	44.6	4,804	9.3	2.1	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	17.8	1,583	11.2	0.9	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.0	1,880	6.9	0.6	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	171.0	6,719	25.5	6.4	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	23.5	1,780	13.2	1.6	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	106.0	5,453	19.4	6.2	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.0	1,781	6.2	0.6	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	73.0	8,808	8.3	2.5	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	15.0	2,048	7.3	1.1	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	92.8	5,044	18.4	3.8	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.4	2,007	4.7	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	51.5	4,629	11.1	2.5	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	30.1	4,313	7.0	1.4	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	199.9	14,782	13.5	5.5	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	8.9	0	12.8	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	9.5	1,671	5.7	0.7	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	16.5	2,268	7.3	0.7	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	24.9	-218	#N/A	2.6	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	30.8	2,986	10.3	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		X	Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		X	Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		X	Click
13	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		X	Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		X	Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	X		Click
20	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
21	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		X	Click
22	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_Trước tâm bão chiến tranh thương	X		Click
23	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		X	Click
24	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	X		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	X		Click
26	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		X	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	X		Click
28	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		X	Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	X		Click
30	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		X	Click
31	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	X		Click
32	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		X	Click
33	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giảm cơ chờ thông tin hỗ	X		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	X		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		X	Click
36	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		X	Click
37	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	X		Click
38	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giảm cơ, toan tính cho 2019_20181203	X		Click
39	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	X		Click
40	15102018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018		X	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

[Video hướng dẫn sử dụng](#)

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức

Vũ Thanh Phong

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

Bùi Huy Hiệp

Chức vụ

Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email

hiepbh@bsc.com.vn